

**CĂN CỨ XÂY DỰNG NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ
VÀ SO SÁNH THAM KHẢO ĐỊNH MỨC CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG KHÁC**

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
I	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ; ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG		
1	Điều 4. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến <i>“3. Nội dung và mức hỗ trợ</i> <i>a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 500 triệu đồng/hợp đồng.</i> <i>c) Hỗ trợ không quá 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tối đa đến 01 tỷ đồng/nhiệm vụ. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp tỉnh đánh giá, xét duyệt.”</i>	- Căn cứ Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ: <i>“Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ</i> <i>1. Điều kiện được hỗ trợ:</i> <i>a) Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</i> <i>b) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);</i> <i>c) Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này.</i> <i>2. Hình thức hỗ trợ:</i> <i>a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện chuyển giao công nghệ;</i> <i>b) Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp.</i> <i>3. Nội dung hỗ trợ đối với điểm b khoản 2 Điều này để phục vụ hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm:</i> <i>a) Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</i> <i>b) Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp.</i> <i>4. Nguồn kinh phí hỗ trợ:</i> <i>a) Đối với hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quỹ phát triển khoa học và công</i>	- Quảng Ninh: Nghị quyết số 313/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Điểm c khoản 4 Điều 1 Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nhận chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ hoặc công nghệ thuộc danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư của Tỉnh; hợp đồng chuyển giao công nghệ được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận. Mỗi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được hỗ trợ không quá một hợp đồng trong một năm. Mức hỗ trợ như sau: + Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị trên 1.000 triệu đồng; hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, tối đa 600 triệu đồng; + Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 500 triệu đồng đến 1.000 triệu đồng; Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, tối đa 200 triệu đồng.

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		<i>nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;</i> <i>b) Đối với hỗ trợ trực tiếp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.</i> 5. Mức hỗ trợ: <i>Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ sau:</i> <i>a) Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nguồn quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;</i> <i>b) Được hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án;</i> <i>c) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của các quỹ, tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án."</i> - Căn cứ Điều 9 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn "Điều 9. Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao 1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng: a) Mức hỗ trợ: 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 300 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ. b) Điều kiện hỗ trợ - Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu bằng 10 lần mức hỗ trợ. - Các bản quyền, công nghệ doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với	+Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 500 triệu đồng: hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, tối đa 125 triệu đồng.

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Cơ sở xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký. - Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng mức hỗ trợ; trường hợp không được áp dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ. 2. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới: a) Ưu tiên doanh nghiệp tham gia, chủ trì các dự án, nhiệm vụ (sau đây gọi là dự án) khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. - Doanh nghiệp được mời tham gia phối hợp thực hiện các nội dung của dự án khoa học công nghệ hoặc xây dựng mô hình thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai tại địa phương doanh nghiệp đăng ký kinh doanh; - Đề xuất đặt hàng dự án của doanh nghiệp được xem xét ưu tiên phê duyệt triển khai thực hiện theo hình thức xét chọn hoặc giao trực tiếp; - Doanh nghiệp có nguồn gen quý hiếm được ưu tiên thực hiện dự án quỹ gen cấp quốc gia để phát triển thành sản phẩm thương mại. b) Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng. c) Điều kiện hỗ trợ - Dự án sản xuất sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. 3. Doanh nghiệp được giao toàn bộ quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và ưu tiên triển khai sản phẩm khoa học công nghệ: a) Doanh nghiệp chủ trì đề tài khoa học và công nghệ, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước chọn, tạo được giống cây trồng, vật nuôi, khi kết thúc dự án nghiệm thu từ mức đạt trở lên được phép triển khai nhân rộng trong thời gian 03 năm kể từ khi kết thúc dự án nghiệm thu. b) Doanh nghiệp chủ trì đề tài khoa học và công nghệ, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước tạo ra các sản phẩm mới được thị trường chấp nhận, khi kết thúc nhiệm vụ nghiệm thu từ mức đạt trở lên được phép triển khai nhân rộng trong thời gian 02 năm kể từ khi kết thúc dự án nghiệm thu. c) Doanh nghiệp chủ trì đề tài khoa học và công nghệ, dự án có sử dụng ngân	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		sách nhà nước, có phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, các kết quả kiểm nghiệm về tiêu chuẩn sản phẩm của doanh nghiệp được chấp nhận khi đăng ký lưu hành sản phẩm tại các cơ quan chức năng theo chuyên môn. 4. Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ như sau: a) Mức hỗ trợ 80% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án. b) Điều kiện hỗ trợ: Quy mô từ 01 triệu cây/năm trở lên. Trường hợp quy mô dự án tăng thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án. 5. Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt được hỗ trợ 70% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, cây giống nhưng không quá 03 tỷ đồng/dự án. 6. Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường."	
	Điều 5. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ "3. Nội dung và mức hỗ trợ: 30 % kinh phí thực hiện một trong các hoạt động tại khoản 1 Điều này, tối đa đến 1.000 triệu đồng"	- Căn cứ khoản 1 Điều 12 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa "Điều 12. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung 1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp." - Căn cứ Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ: "Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ 1. Điều kiện được hỗ trợ: a) Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; b) Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký	- Đà Nẵng: Điều 6 Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND "1. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chi phí mua thiết bị công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ a) Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ. b) Hỗ trợ tối đa 15% chi

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Cơ sở xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ); c) Công nghệ được chuyển giao thuộc dự án quy định tại điểm a khoản này. 2. Hình thức hỗ trợ: a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay để thực hiện chuyển giao công nghệ; b) Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp. 3. Nội dung hỗ trợ đối với điểm b khoản 2 Điều này để phục vụ hoạt động cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong quá trình thực hiện chuyển giao công nghệ bao gồm: a) Được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định của chương trình, quỹ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ; b) Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp đối với hỗ trợ trực tiếp. 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: a) Đối với hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; b) Đối với hỗ trợ trực tiếp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, nguồn kinh phí hỗ trợ được bố trí từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác. 5. Mức hỗ trợ: Ngoài hưởng các ưu đãi đối với ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp được hưởng các mức hỗ trợ sau: a) Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nguồn quy định	phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường kèm theo hợp đồng chuyển giao công nghệ. 2. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã tối đa 70% cho chi phí công nghệ mới; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, tiết kiệm

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		tại điểm a khoản 4 Điều này; b) Được hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án; c) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi theo quy định của các quỹ, tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án.”	năng lượng. 3. Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã trong một năm. Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 02(hai) dự án"
2	Điều 6. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ “3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện hoạt động giải mã công nghệ; tối đa đến 2.000 triệu đồng/nhiệm vụ. Mức hỗ trợ cụ thể được xác định căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng hồ sơ, trên cơ sở kết quả thẩm định và ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp tỉnh đánh giá, xét duyệt.”	- Căn cứ Điều 13 mục I chương III Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ: “Điều 13. Hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ 1. Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ gồm: Đầu tư cho phòng thí nghiệm, phân tích mẫu, mô hình hóa và mô phỏng, kiểm chuẩn, xưởng chế thử, kiểm nghiệm và tạo mẫu. 2. Doanh nghiệp thực hiện một trong các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau: a) Hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng; b) Được ưu tiên đầu tư vào khu công nghệ cao. 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giải mã công nghệ được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi sau: a) Hỗ trợ vốn, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, tổ chức tín dụng; b) Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng; vật mẫu trong nước chưa sản xuất được để sử dụng trực tiếp cho hoạt động giải mã công nghệ được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế; c) Sản phẩm hình thành từ hoạt động giải mã công nghệ được khuyến khích sử dụng trong dự án đầu tư có sử dụng ngân sách nhà nước, ưu tiên trong đấu thầu mua sắm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		nghệ của doanh nghiệp; đ) Dự án thực hiện việc giải mã công nghệ được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tuyển chọn, giao trực tiếp của chương trình, đề án, quỹ về khoa học và công nghệ. 4. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ, ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ: a) Công nghệ cần giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ mục tiêu chiến lược, quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, ngành, vùng, địa phương; b) Đối với hoạt động giải mã công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh, thực hiện theo các quy định pháp luật trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. 5. Nội dung hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ: a) Mua sắm, nhập khẩu vật mẫu (sản phẩm, công nghệ, thiết kế, thiết bị, hệ thống cần được giải mã) phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; b) Thuê chuyên gia thực hiện hoạt động tư vấn, tìm kiếm, hỗ trợ kỹ thuật, lao động kỹ thuật phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; c) Sử dụng hệ thống các phòng thí nghiệm, đo lường, thử nghiệm, đánh giá tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ hoạt động giải mã công nghệ; d) Các nội dung hỗ trợ khác theo văn bản hướng dẫn hoạt động đối với các nguồn kinh phí quy định tại khoản 6 Điều này. 6. Nguồn kinh phí hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ được bố trí từ Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ và kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác. 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ từ Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nguồn ngân sách nhà nước dành cho khoa học và công nghệ. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ đối với kinh phí huy động từ nguồn hợp pháp khác được hiện theo quy định pháp luật hiện hành.”	
II	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ		

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
1	Điều 7. Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ <i>“3. Nội dung và mức hỗ trợ</i> a) Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ được hỗ trợ 100 triệu đồng. b) Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 150 triệu đồng.	1. Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Điều 1, Mục IV. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo): <i>“7. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp:</i> <i>Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế chính sách để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài”.</i> 2. Căn cứ khoản 4 mục II Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2030 <i>“4. Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ</i> a) <i>Đẩy mạnh hình thành và phát triển một số tổ chức trung gian có vai trò đầu mối, cung cấp các dịch vụ công có tính hệ thống về thị trường khoa học và công nghệ.</i> b) <i>Nâng cao năng lực hoạt động các tổ chức trung gian nhất là các tổ chức trung gian thuộc tổ chức khoa học và công nghệ lớn, đa ngành và gắn với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ thuộc khu vực tư nhân.</i> c) <i>Phát triển mạng lưới tổ chức trung gian trên cơ sở kết nối các sàn giao dịch công nghệ, các tổ dịch vụ khoa học và công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp với các trung tâm ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.</i> d) <i>Khuyến khích thành lập hiệp hội tư vấn, xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam; hỗ trợ tham gia và trở thành thành viên của các hiệp hội tư vấn xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quốc tế.”</i>	1. Tỉnh Hà Tĩnh Điều 7 Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐNS ngày 16/12/2022 <i>“Điều 7. Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ</i> <i>1. Hỗ trợ kinh phí cho DN KHK&CN, tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ được chứng nhận hoạt động trên địa bàn tỉnh: 50 triệu đồng/cơ sở”</i> 2. Tỉnh Cao Bằng: <i>Hỗ trợ kinh phí trực tiếp đối với hoạt động thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ (sau khi doanh nghiệp được chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hoạt động chính thức ít nhất từ 01 năm trở lên). Mức hỗ trợ 50.000.000 đồng/doanh nghiệp</i> 3. Tỉnh Thái Bình <i>Hỗ trợ 100.000.000 đồng/doanh nghiệp được cấp GCN doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</i>
2	Điều 8. Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ	- Căn cứ khoản 3 Điều 44 mục 2 Luật CGCN: <i>“Mục 2. PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</i>	1. Tỉnh Thái Bình <i>2. Nội dung và mức hỗ</i>

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	“3. Nội dung và mức hỗ trợ a) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước: 50 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức. b) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở ngoài nước: 100 triệu đồng/doanh nghiệp, tổ chức.”	Điều 44. Công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ 3. Nhà nước có biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được tạo ra trong nước công bố, trình diễn, giới thiệu công nghệ, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước, ngoài nước.” - Căn cứ điểm 5 mục II Điều 1 Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030: “5. Tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ a) Đẩy mạnh tổ chức các sự kiện xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ quy mô vùng, quốc gia và quốc tế; quảng bá thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lồng ghép, phối hợp với các sự kiện xúc tiến thương mại và đầu tư theo cả hai phương thức trực tuyến và trực tiếp. b) Tăng cường xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ tại các thị trường có nhiều nguồn cung công nghệ cao, tiên tiến và thân thiện môi trường, các thị trường tiềm năng mà Việt Nam có lợi thế thông qua các hiệp định thương mại tự do. c) Xây dựng và triển khai chương trình, dự án hợp tác xúc tiến công nghệ và chia sẻ chuyên gia giữa tổ chức khoa học và công nghệ trong nước với các đối tác công nghệ quốc tế. d) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có công nghệ mới được tạo ra trong nước công bố, trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ trong nước, ngoài nước.”	trợ: a) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở trong nước Mức hỗ trợ: 15.000.000 đồng/doanh nghiệp, tổ chức b) Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ ở ngoài nước Mức hỗ trợ: 150.000.000 đồng/doanh nghiệp tổ chức.”
	Điều 9. Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế-xã hội "3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ/mô hình để thực hiện ứng dụng và nhân rộng các kết quả hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tối đa đến 01 tỷ đồng."	Căn cứ điểm b khoản 1 và điểm c, điểm e khoản 2 Điều 6 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025 Điều 6. Định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 1. Định hướng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: “b) Gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với nhu cầu thị trường; xác định doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ trong nước; <u>thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu</u>, khuyến khích tăng tỷ trọng đầu tư của khu vực tư nhân, đặc biệt doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo”. 2. Để cụ thể hóa các định hướng chiến lược quy định tại khoản 1 Điều này, Nhà nước thực hiện các chính sách sau	1. Tỉnh Quảng Trị (năm 2021) 2. Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế xã hội. d) Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ - Hỗ trợ tối đa 30% tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Cơ sở xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		c) Phát triển và hoàn thiện thị trường khoa học và công nghệ, khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; <u>khuyến khích và hỗ trợ chuyển giao công nghệ;</u> e) Tăng cường hỗ trợ nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; <u>thúc đẩy phát triển công nghệ, chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;</u> hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, làm chủ và sáng tạo công nghệ; <u>gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng,</u>”	2. Tỉnh Bến Tre (năm 2020) 4. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới Hỗ trợ 50% tổng kinh phí thực hiện đối với các dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tối đa 02 (hai) tỷ đồng/dự án. 3. Tỉnh Quảng Bình (năm 2021) Điểm b khoản 1 Điều 2: Mức hỗ trợ; hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí các nội dung trên nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án 4. Tỉnh Lai Châu (năm 2019) 4. Nội dung và định mức hỗ trợ b) Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/01 dự án.

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
III	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA		
1	Điều 10. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới <i>“3. Nội dung và mức hỗ trợ:</i> a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng thử nghiệm mẫu để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tối đa đến 15 triệu đồng/hợp đồng/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, tối đa đến 65 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. b) Hỗ trợ 50% chi phí thử nghiệm phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường, tối đa đến 15 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tối đa đến 25 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. d) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hóa, tối đa đến 40 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. e) Hỗ trợ 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận đơn vị áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng; chi phí cấp Giấy chứng nhận đơn vị áp dụng các công cụ cải tiến chất lượng, tối đa đến 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp”	Căn cứ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính Phủ <i>“3. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới</i> a) <i>Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;</i> b) <i>Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;</i> c) <i>Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;</i> d) <i>Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.”</i>	- Đà Nẵng: Điều 7 Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND "1. Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn a) Hỗ trợ 30 (ba mươi) triệu đồng cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, ISO 45001, ISO 13485, ISO 15189, ISO 27001, ISO 50001, ISO 17025 hoặc các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác). b) Hỗ trợ 35 (ba mươi lăm) triệu đồng khi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã áp dụng cùng một lúc từ 02 (hai) tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trở lên tổng hệ thống quản lý. c) Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. 2. Hỗ trợ 15 (mười lăm) triệu đồng/sản phẩm để doanh nghiệp, tổ chức,

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Cơ sở xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
			hợp tác xã thực hiện đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn. Hỗ trợ không quá 02 (hai) sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã." - Quảng Ninh: Nghị quyết số 313/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 Điểm b khoản 4 Điều 1 + Hỗ trợ 30 triệu đồng/hệ thống cho việc xây dựng và áp dụng một trong các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến sau: Hệ thống thực hành sản xuất tốt – GMP; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – ISO 22000; Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tối hạn HACCP; Tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (TCVN ISO 26000, SA 8000); Hệ thống quản lý an toàn thông tin (TCVN ISO 27001:2019). + Hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến ISO điện tử 30% giá trị hợp đồng tối đa không quá 300 triệu đồng/hợp đồng/tổ chức, doanh nghiệp.

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
			+ Hỗ trợ 50 triệu đồng/hệ thống cho việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001. + Hỗ trợ 20 triệu đồng/sản phẩm được tiếp nhận công bố hợp chuẩn sản phẩm hàng hóa, tối đa 02 sản phẩm/ tổ chức, doanh nghiệp.
2	Điều 11. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị "3. Nội dung và mức hỗ trợ a) Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng: - Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 15 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 15 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; - Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp. b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng	- Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. "Điều 25. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị 1. Hỗ trợ đào tạo a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp; b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm. 2. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. 3. Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường a) Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	nhận chất lượng: - Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp."	quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; b) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; c) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; d) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế; đ) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài; e) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; g) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. 4. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp."	
3	Điều 12. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải Vàng Chất lượng Quốc gia và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương <i>"3. Nội dung và mức hỗ trợ</i> a) Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng. b) Đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia: 50 triệu đồng. c) Đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 100 triệu đồng	- Căn cứ điểm d, Mục II, Điều 1 Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020: <i>"d) Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia."</i>	1. Tỉnh Cao Bằng: Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia và đạt giải thưởng chất lượng - Đối với Giải thưởng Chất lượng khu vực và Giải thưởng Chất lượng quốc tế: Mức hỗ trợ 60.000.000 đồng/giải thưởng; - Đối với giải thưởng Chất lượng Quốc gia: Mức hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải Vàng chất lượng quốc gia 40.000.000 đồng/giải thưởng; Mức hỗ trợ doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia: 30.000.000 đồng/giải thưởng. 2. Tỉnh Nam Định: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hồ sơ, chi phí tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
			thường Chất lượng quốc tế: - Mức hỗ trợ 25 triệu đồng/cơ sở tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia. - Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở tham gia giải thưởng chất lượng quốc tế. 3. Tỉnh Quảng Nam: Các cơ sở tham gia và đạt giải Giải thưởng chất lượng quốc gia và quốc tế Giải vàng giải thưởng Chất lượng quốc gia: 20 triệu đồng; Giải thưởng Chất lượng quốc gia: 15 triệu đồng; Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 30 triệu đồng. 4. Tỉnh Quảng Trị: Hỗ trợ tham gia xét tuyển và được tặng giải thưởng chất lượng, quốc gia, quốc tế với mức: 20 triệu đồng/giải vàng giải thưởng CLQG, 15 triệu đồng/giải bạc GTCLQG, 30 triệu đồng/giải thưởng chất lượng QTCATBD 5. Tỉnh Thái Bình - Đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia: 15.000.000 đồng.

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
			- Đạt Giải vàng chất lượng quốc gia: 20.000.000 đồng. - Đạt Giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương: 30.000.000 đồng.
IV	CHƯƠNG V. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO		
1	Điều 13. Hỗ trợ tổ chức ngày hội, cuộc thi, hội thi khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo "3. Nội dung và mức hỗ trợ a) Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: 15 triệu đồng/đơn vị tham gia. b) Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có các công trình, giải pháp, đề tài đạt giải: 80 triệu đồng/giải nhất; 60 triệu đồng/giải nhì; 40 triệu đồng/giải ba; 20 triệu đồng/giải khuyến khích. Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quy định tại Thể lệ (hoặc Điều lệ) tổ chức các cuộc thi, hội thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt"	Căn cứ Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính Phủ <i>"Điều 22. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo</i> <i>1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung</i> <i>a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;</i> <i>b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.</i> <i>2. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ</i> <i>a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;</i> <i>b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;</i> <i>c) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;</i> <i>d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.</i> <i>3. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới</i> <i>a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;</i>	- Hà Tĩnh: Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 Điểm b khoản 1 Điều 5: "Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh hàng năm (Techfest HaTinh), tối đa 400 triệu đồng/năm. Trong đó, mức chi giải thưởng cuộc thi như sau: giải nhất 40 triệu đồng/giải; giải nhì 30 triệu đồng/giải; giải ba 20 triệu đồng/giải; giải khuyến khích 08 triệu đồng/giải; giải tiềm năng 03 triệu đồng/giải. Số lượng các giải thưởng thực hiện theo quy định tại thể lệ cuộc thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp; d) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp. 4. Hỗ trợ công nghệ Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp."	
2	Điều 14. Hỗ trợ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo "3. Nội dung hỗ trợ - Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh. Trong đó: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% tổng	Căn cứ Điều 6 Chương II Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 "Điều 6. Nội dung và mức chi để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 1. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trong đó: a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện. b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện). c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện. 2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	dự toán kinh phí thực hiện. - Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Đối với chuyên gia trong nước: Hỗ trợ 15 triệu đồng/chuyên gia/ khóa đào tạo dưới 30 ngày; hỗ trợ 40 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo từ 30 ngày trở lên. Đối với chuyên gia nước ngoài: Hỗ trợ 40% tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia/khóa đào tạo. Tổng dự toán kinh phí thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo."	<i>ng nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:</i> <i>a) Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> <i>b) Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 15.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.</i> <i>Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 40.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo. c) Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài tối đa không quá 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ."</i>	
3	Điều 15. Nội dung, mức chi, hình thức hỗ trợ để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo "3. Nội dung và mức hỗ trợ - Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Hỗ trợ 30% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Căn cứ Điều 7 Chương II Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 <i>"Điều 7. Nội dung và mức chi để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 1. Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo:</i> <i>a) Đối tượng thuộc phạm vi hỗ trợ theo quy định tại Khoản này phải đáp ứng các điều kiện quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. b) Đơn vị phải lập và quản lý dự án nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Trong đó, tổng dự toán kinh phí hỗ trợ nâng</i>	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	- Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hỗ trợ 80 triệu đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp."	<i>cấp cơ sở vật chất kỹ thuật không vượt quá 30% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Tối đa không quá 80.000.000 đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ."</i>	
4	Điều 16. Nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo "3. Nội dung và mức hỗ trợ Hỗ trợ kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của tỉnh theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Hỗ trợ 50% tổng mức kinh phí thực hiện."	Căn cứ khoản 1 Điều 8 Chương II Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 <i>"Điều 8. Nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i> <i>1. Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt."</i>	
5	Điều 17. Nội dung, mức chi, hình thức hỗ trợ đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp "3. Nội dung và mức hỗ trợ - Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm trong nước, khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh. Trong đó: Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo	Căn cứ Điều 9 Chương II Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 <i>"Điều 9. Nội dung và mức chi đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi</i> <i>1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC (áp dụng đối với hội nghị, hội thảo có tính chất quốc tế theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Trong đó:</i> <i>a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.</i> <i>b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí trên cơ sở khả năng thu của đơn vị (tối đa không quá 70% tổng dự toán kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê</i>	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện. - Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới, do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình kết nối quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Đối với chuyên gia trong nước: Hỗ trợ 10 triệu đồng/chuyên gia/chương trình. Đối với chuyên gia nước ngoài: Hỗ trợ 40% tổng dự toán kinh phí được phê duyệt để thuê chuyên gia/chương trình."	duyet, giao nhiệm vụ). c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ. 2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới: a) Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định Bộ Khoa học và Công nghệ. b) Đối với chuyên gia trong nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia tối đa không quá 10.000.000 đồng/chuyên gia/chương trình. c) Đối với chuyên gia nước ngoài: Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc."	
6	Điều 18. Nội dung, mức chi và hình thức hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo "3. Nội dung và mức hỗ trợ - Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; Kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ: Hỗ trợ mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý	Căn cứ Điều 10 Chương II Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 "Điều 10. Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế. 2. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể như sau:	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. - Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Hỗ trợ 200.000.000 đồng/doanh nghiệp. - Hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài: Hỗ trợ 01 người/doanh nghiệp, mức hỗ trợ 40% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt."	a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp: - Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN). - Thời gian hỗ trợ: Tối đa không quá 01 năm/doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm. b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 80.000.000 đồng/doanh nghiệp. c) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: - Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN. - Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm. d) Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài (tối đa không quá 02 người/doanh nghiệp được cử đi tham gia các khóa huấn luyện): - Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thông báo xét chọn, tuyển chọn các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện, quyết định các nội dung, mức chi và tổng mức kinh phí hỗ trợ cụ thể cho	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
		từng doanh nghiệp, đảm bảo đúng quy định. - Nội dung và mức chi tham gia các khóa huấn luyện thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. - Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm.	
7	Điều 19. Hỗ trợ công tác quản lý "3. Nội dung và mức hỗ trợ a) Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền của tỉnh phê duyệt. b) Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh. c) Chi tổ chức xét chọn và chấm giải thưởng: Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm công trình, giải pháp, đề tài dự thi: Tối đa không quá 2 triệu đồng/công trình, giải pháp, đề tài. Chi chế độ họp Hội đồng giám khảo: Chủ tịch Hội đồng: 1 triệu đồng/người/buổi; Ủy viên, thư ký: 0,5 triệu đồng/người/buổi. Chi thù lao đối với thành viên Ban Tổ chức và Ban Thư ký trong thời gian tổ chức hội thi, cuộc thi theo kế hoạch được cấp có	Căn cứ Điều 11 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" "Điều 11. Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Đề án 844 1. Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Đề án 844 và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án 844: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt. 2. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Đề án 844; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Đề án; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban Điều hành Đề án 844; tổ chức hội thảo khoa học: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số <u>55/2015/TTLT-BTC-BKHCN</u>. 3. Chi điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: a) Nội dung, số lượng các cuộc điều tra, khảo sát được thực hiện theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. b) Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>109/2016/TT-BTC</u> ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia. 4. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy môi trường đổi mới sáng tạo: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số <u>55/2015/TTLT-BTC-BKHCN</u>. 5. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Đề án 844: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>40/2017/TT-BTC</u> ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	thẩm quyền phê duyệt: Ban Tổ chức: 0,3 triệu đồng/người/tháng; Ban Thư ký: 0,2 triệu đồng/người/tháng. Chi hỗ trợ cho các tác giả đoạt giải đi nhận giải thưởng (gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, ở trong thời gian nhận giải thưởng): Thực hiện theo quy định hiện hành. Các khoản chi khác phục vụ công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được Trưởng Ban tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật phê duyệt; gồm: Chi tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân tham gia các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật; tuyên truyền về các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải. Tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật (bao gồm chi thuê địa điểm, trang trí khánh tiết, văn nghệ và chi khác liên quan trực tiếp đến tổ chức Lễ phát động, Lễ tổng kết và trao giải). Thuê địa điểm trưng bày, triển lãm các công trình, giải pháp, đề tài đoạt giải trong thời gian trao giải ở địa phương, trong nước và quốc tế. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc), in ấn tài liệu, làm cúp, kỷ yếu của các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật.	chi hội nghị. 6. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt. 7. Chi đoàn ra, đoàn vào: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số <u>102/2012/TT-BTC</u> ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Thông tư số <u>71/2018/TT-BTC</u>. 8. Chi duy trì, vận hành Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý Đề án 844; mua sắm trang thiết bị văn phòng, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Đề án 844: Thực hiện theo các quy định hiện hành về tạo lập thông tin điện tử, chế độ nhuận bút đối với báo điện tử; tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. 9. Chi hỗ trợ cán bộ, người lao động giúp việc phục vụ hoạt động của Ban Điều hành Đề án 844: Căn cứ theo yêu cầu công việc của Đề án 844 và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ động sắp xếp, quyết định việc sử dụng cán bộ làm công tác chuyên trách, giúp việc phục vụ hoạt động của Ban điều hành Đề án 844 theo đúng quy định. Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/tháng. 10. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Đề án 844: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	Thuê nhân công để thực hiện các công việc khác có liên quan đến công tác tổ chức các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật. Tổ chức hội nghị, hội thảo; Thuê phương tiện đi lại và công tác phí của Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo, Ban Thư ký theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt: Thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh. Trong trường hợp huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (không phải nguồn ngân sách nhà nước) từ các tổ chức, cá nhân để tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy chế xét tặng giải thưởng cụ thể của các tổ chức, cá nhân tài trợ sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tổ chức, cá nhân đó tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định của pháp luật."		
V	CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI SỐ		
1	Điều 20. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số "2. Nội dung và mức hỗ trợ a) Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh, tối đa đến 100 triệu đồng/hợp đồng đối với doanh nghiệp nhỏ, tối đa đến 200 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. b) Hỗ trợ 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản	Căn cứ Điều 11 Chương III Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính Phủ <i>"Điều 11. Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i> <i>1. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.</i> <i>2. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa."</i>	

TT	Nội dung, mức hỗ trợ của tỉnh Hưng Yên	Căn cứ xây dựng nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ của một số tỉnh
	xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh tối đa đến 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; tối đa đến 70 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và tối đa đến 120 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa."		
2	Điều 21. Hỗ trợ thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành hình cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh "Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% theo Hóa đơn giá trị gia tăng cước dịch vụ vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình tàu cá hàng năm (không bao gồm các dịch vụ phát sinh khác) nhưng tối đa đến 2 triệu đồng/ tàu/ năm, phần còn lại do chủ tàu cá tự chi trả."	Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Thái Bình quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2025 Điều 3. Mức hỗ trợ, thời gian và nguồn kinh phí hỗ trợ 1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% theo Hóa đơn giá trị gia tăng cước thuê bao vệ tinh duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình hàng năm (không bao gồm các dịch vụ phát sinh khác) nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/ tàu/ năm. 2. Thời gian thực hiện hỗ trợ: Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thực hiện hỗ trợ 02 lần/năm vào 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm. 3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.	